

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 12 - 2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hòa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mãng và ông Lò Văn Khệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào ngọc Sơn, Thư ký Toà án nhân dân huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2022/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 11 năm 2022 về Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Phí Văn G; Hộ khẩu thường trú: Thôn 8 (9), xã T, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ; Nơi tạm trú: Tiểu khu 5, thị trấn I, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Bị đơn: chị Trần Thị Minh A; Nơi cư trú: Tiểu khu L, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và bản tự khai, nguyên đơn là anh Phí Văn G trình bày: anh G và chị A, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã M; quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, anh chị đã có một người con chung là cháu Phí Phương Anh, sinh ngày 23/11/2016; Sau khi sinh con chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến cuộc sống gia đình, từ tháng 4/2022 sống ly thân, nay tình cảm không còn anh G xin được ly hôn, phân chia trách nhiệm nuôi con chung là cháu Phí Phương Anh; về tài sản chung anh G và chị A không yêu cầu giải quyết; anh chị không vay nợ ai.

Tại bản tự khai chị Trần Thị Minh A trình bày: chị A và anh G chung sống với nhau có đăng ký kết hôn từ năm 2016, đã có một người con chung là cháu Phí Phương Anh, sinh ngày 23/11/2016 và hiện tại chị không có thai; cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm tới gia đình và từ đó sống ly thân. Nay anh G yêu cầu ly hôn chị A nhất trí ly hôn

và chị A mong muốn được trực tiếp nuôi con chung nhưng do đang đi làm ăn, công việc chưa ổn định chị đề nghị giao con chung là cháu Anh cho anh G nuôi dưỡng chăm sóc; tài sản chung không yêu cầu giải quyết; quá trình chung sống không vay nợ của ai. Chị Trần Thị Minh A đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 07/12/2022 anh Phí Văn G giữ nguyên yêu cầu, phạm vi khởi kiện, không có yêu cầu phản tố, không ai cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, chị A không có mặt nên anh G có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản không hoà giải được.

Ý kiến tranh luận tại phiên tòa: Nguyên đơn anh Phí Văn G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Trần Thị Minh A và phân chia trách nhiệm nuôi con chung, theo nguyện vọng anh G xin trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung; anh G xin tự chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn chị Trần Thị Minh A đề nghị xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận đối đáp.

Đại diện Viện kiểm sát ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn xin vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên chấp nhận cho anh Phí Văn G ly hôn với chị Trần Thị Minh A; giao cháu Phí Phương Anh cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; buộc anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” do nguyên đơn anh Phí Văn G khởi kiện đối với bị đơn chị Trần Thị Minh A có nơi cư trú Tiểu khu Lâm Trường, xã Mường Bú, huyện M, tỉnh Sơn La. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

[2] Về thủ tục tố tụng: chị Trần Thị Minh A đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị A.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phí Văn G và chị Trần Thị Minh A, tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Mường Bú là sự thật và quan hệ hôn nhân được xác lập hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của anh G thấy: cuộc sống chung giữa anh G và chị A có mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cùng không có trách nhiệm với gia đình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay nên xác định lời khai trình bày về nguyên nhân, lý do mâu thuẫn và yêu cầu ly hôn của anh G là sự thật, có căn cứ phù hợp với ý kiến của chị A cũng như xác nhận của UBND xã Mường Bú về việc không tiến hành hoà giải tại cơ sở xã. Tại bản tự khai chị A có ý kiến là nhất trí ly hôn nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa nên không đủ cơ sở để công nhận thuận tình ly hôn. Xét tình cảm vợ chồng giữa anh G và chị A thực sự không còn, quyền bình đẳng trong gia đình bị hạn chế, tình nghĩa vợ chồng không bảo đảm, đời sống chung vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời cũng giải phóng cho anh chị để ổn định cuộc sống về sau cần chấp nhận yêu cầu giải quyết cho anh Phí Văn G được ly hôn chị Trần Thị Minh A; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: anh Phí Văn G và chị Trần Thị Minh A, xác định anh chị có một người con chung là cháu Phí Phương Anh, sinh ngày 23/11/2016, hiện tại chị A không có thai, anh G có nguyện vọng được nuôi con chung, không đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy cháu Phí Phương Anh là người chưa thành niên (dưới 18 tuổi) trong khi quan hệ chung sống giữa anh G và chị A không thể tồn tại nên cần xem xét phân chia trách nhiệm nuôi con chung. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Phí Phương Anh thấy chị A và anh G đều là lao động tự do thu nhập không ổn định, từ khi sống ly thân đến nay anh G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Anh và đang sống ổn định có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức và chị A cũng cho rằng chưa có điều kiện chăm sóc nên đề nghị giao con chung cho anh G nuôi. Do đó, chấp nhận yêu cầu của anh G và giao con chung là cháu Phí Phương Anh cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của anh G là tự nguyện nên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn, căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: anh G và chị A tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết theo vụ án.

[6] Về vay nợ chung: anh G và chị A xác định không vay nợ của ai.

[7] Về án phí: không có căn cứ xác định anh Phí Văn G được miễn, giảm án phí nên anh G phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Phí Văn G và chị Trần Thị Minh A.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Phương Anh cho anh Phí Văn G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên (18 tuổi) và có khả năng lao động; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn.

4. Về án phí: anh Phí Văn G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh G đã nộp là 300.000VNĐ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0003761 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La.

Đương sự anh Phí Văn G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 23/12/2022; chị Trần Thị Minh A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận, niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND nơi đăng ký kết hôn, cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Văn Hòa

